

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Số: **654** /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày **07** tháng **4** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua thuốc Generic thuộc danh mục thuốc không trúng thầu năm 2022 (đấu thầu lại), Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Krông Ana

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;
Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;
Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;
Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BYT ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc thiết yếu;
Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;
Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;
Căn cứ Thông tư 29/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;
Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;
Căn cứ Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 07/09/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc



Generic năm 2022 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Krông Ana;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Ana tại Tờ trình số 11/TTr-TTYT ngày 23/03/2023; Báo cáo số 122/BC-SYT ngày 29/3/2023 của Sở Y tế Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua thuốc Generic thuộc danh mục thuốc không trúng thầu năm 2022 (đấu thầu lại), Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Krông Ana.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua thuốc Generic thuộc danh mục thuốc không trúng thầu năm 2022 (đấu thầu lại), Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Krông Ana, với số tiền **428.235.056 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi tám triệu, hai trăm ba mươi lăm ngàn không trăm năm mươi sáu đồng), chi tiết như Phụ lục I, II kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Trung tâm Y tế huyện Krông Ana (Bên mời thầu) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tiêu chí kỹ thuật và giá mặt hàng thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Ana chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan, danh mục, số lượng, đơn giá mua sắm thuốc và hình thức lựa chọn nhà thầu tại Điều 1 Quyết định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát Trung tâm Y tế huyện Krông Ana thực hiện việc mua thuốc theo đúng các tiêu chí kỹ thuật, danh mục được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Ana; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /

Nơi nhận,

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TT CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT (XTn 07b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



H'Yim Kđoh

12/12/2023

Phụ lục I
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU MUA THUỐC GENERIC THUỘC DANH MỤC THUỐC
KHÔNG TRÚNG THẦU NĂM 2022 (ĐẤU THẦU LẠI), DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ
KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG ANA
(Kèm theo Quyết định số 654 /QĐ-UBND ngày 07 / 4 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên Gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức/ phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tổ chức, cá nhân giám sát
1	Mua thuốc Generic thuộc danh mục thuốc không trúng thầu năm 2022	428.235.056	Nguồn thu viện phí + Bảo hiểm y tế	Chỉ định thầu rút gọn	Quý I + II/2023	Trọn gói	11 tháng	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	Tổng giá trị gói thầu	428.235.056 đồng (Bốn trăm hai mươi tám triệu, hai trăm ba mươi lăm ngàn không trăm năm mươi sáu đồng)						



Phụ Lục II

DANH MỤC GÓI THẦU MUA THUỐC GENERIC THUỘC DANH MỤC THUỐC KHÔNG TRÚNG THẦU NĂM 2022

DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG ANA

(Kèm theo Quyết định số **654** /QĐ-UBND ngày **07** / 4 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
1	Diazepam	N1	10mg/2ml, 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	ống /lọ	90	7.720	694.800
2	Lidocain + epinephrin	N4	(36mg + 0,018mg)/1,8ml	Tiêm	Thuốc tiêm	ống /lọ	1.800	4.410	7.938.000
3	Suxamethonium clorid	N1	100mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	ống /lọ	9	19.564	176.076
4	Aceclofenac	N2	100mg	Uống	Viên nang	Viên	4.580	4.720	21.617.600
5	Natri hydrocarbonat	N4	1,4%, 250ml	Tiêm Truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	9	32.000	288.000
6	Nor-adrenalin/Nor-epinephrin	N4	1mg/ml; 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	ống /lọ	27	26.000	702.000
7	Natri carboxymethylcellulose + glycerin	N1	5mg/ml + 9mg/ml x 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ	320	82.850	26.512.000
8	Clotrimazol	N4	0.5mg/ml chai 100ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	450	68.000	30.600.000
9	Paracetamol	N4	150mg	Đặt hậu môn	Thuốc đặt hậu môn/trực tràng	Viên	450	1.785	803.250
10	Bisoprolol	N1	5mg	Uống	Viên	Viên	27.500	735	20.212.500
11	Acetylsalicylic acid	N2	81mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	4.580	340	1.557.200
12	Progesteron	N4	100mg	Uống	Viên nang	Viên	910	5.000	4.550.000
13	Insulin người trộn, hỗn hợp	N1	100IU/ml, 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm/Bút tiêm	2.000	69.000	138.000.000
14	Piracetam	N4	400mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	ống/lọ	32.000	3.990	127.680.000
15	Salbutamol + ipratropium	N4	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml	Đường hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Lọ/Ống	2.930	12.600	36.918.000
16	Glucose	N4	10%, 500ml	Tiêm Truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	916	10.430	9.553.880
17	Hydrochlorothiazid	N4	25mg	Uống	Viên	Viên	2.750	157	431.750
Tổng cộng: 17 Mặt hàng									428.235.056